

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 66/2026/HS-ST
Ngày 28 - 7 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Vinh

Thẩm phán: Ông Lương Đức Dương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Hà

Ông Phạm Hữu Quốc

Bà Lê Thị Hương

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Trí - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Văn Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 61/2026/TLST-HS ngày 04 tháng 6 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2026/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 7 năm 2026 đối với bị cáo:

Trần Văn L, sinh ngày 20-12-2003 tại tỉnh Đắk Lắk; căn cước công dân số 066203018389 cấp ngày 12-08-2021; nơi cư trú: thôn E, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là thôn E, xã C, tỉnh Đắk Lắk); nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn P và bà Nguyễn Thị Bích N; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29-10-2024 đến ngày 26-5-2025 được tại ngoại, sau đó bị bắt tạm giam lại từ ngày 07-5-2026, đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 02 Công an tỉnh L - Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Văn T (vắng mặt) và ông Lê Kiều H (có mặt) - Luật sư Công ty L4.20 - Đoàn Luật sư tỉnh L; địa chỉ: số B Q, phường N, tỉnh Lâm Đồng.

Bị hại:

- Ông Phan Hữu C, sinh năm 1983; địa chỉ: số C khu vực P, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ (nay là phường C, thành phố Cần Thơ) - Vắng mặt.

- Ông Nguyễn H1, sinh năm 1983; địa chỉ: thôn C, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường T, tỉnh Đắk Lắk) - Vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị Kim H2, sinh năm 2000; địa chỉ: L, tổ dân phố G, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường T, tỉnh Đắk Lắk) - Vắng mặt.

- Ông Mai Thanh T1, sinh năm 1994; địa chỉ: thôn A, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (nay là xã Đ, tỉnh Lâm Đồng) - Vắng mặt.

- Ông Phạm Văn T2, sinh năm 1983; địa chỉ: tổ dân phố A, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã P, tỉnh Đắk Lắk) - Vắng mặt.

- Ông Hồ Quang H3, sinh năm 1988; địa chỉ: thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi (nay là xã B, tỉnh Quảng Ngãi) - Vắng mặt.

- Ông Phan Thanh T3, sinh năm 1980; địa chỉ: tổ dân phố Đ, thị trấn H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã B, tỉnh Phú Thọ) - Vắng mặt.

- Ông Vương Xuân D, sinh năm 1982; địa chỉ: xóm L, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên (nay là xã P, tỉnh Thái Nguyên) - Vắng mặt.

- Ông Vũ Văn M, sinh năm 1990; địa chỉ: thôn Đ, xã B, huyện A, tỉnh Hưng Yên (nay là xã P, tỉnh Hưng Yên) - Vắng mặt.

- Ông Lê Sỹ T4, sinh năm 1982; địa chỉ: thôn T, xã P, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa (nay là phường T, tỉnh Thanh Hóa) - Vắng mặt.

- Ông Đỗ Mạnh T5, sinh năm 1982; địa chỉ: buôn T, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk) - Vắng mặt.

- Ông Nguyễn Thành L1, sinh năm 1971; địa chỉ: thôn S, xã C, tỉnh Khánh Hòa; địa chỉ liên hệ: số E S, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh - Vắng mặt.

- Ông Trần Quốc C1, sinh năm 1978; địa chỉ: số G Q, Tổ A, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (nay là xã Đ, tỉnh Lâm Đồng) - Vắng mặt.

- Ông Nguyễn Tiến T6, sinh năm 1998; địa chỉ: thôn F, xã K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (nay là xã K, tỉnh Lâm Đồng) - Vắng mặt.

- Ông Bùi Thanh H4, sinh năm 1985; địa chỉ: số E P, phường L, thành phố K, tỉnh Kon Tum (nay là phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi) - Vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị P1, sinh năm 1991; địa chỉ: tổ A, thôn F, xã N, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận; địa chỉ liên hệ: số B, ĐT G, thôn C, xã N, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận (nay là xã Đ, tỉnh Lâm Đồng) - Vắng mặt.

- Ông Nguyễn Đình T7, sinh năm 1988; địa chỉ: xóm D N, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An (nay là xã C, tỉnh Nghệ An) - Vắng mặt.

- Ông Hoàng Văn H5, sinh năm 2001; địa chỉ: xóm K, xã L, huyện T, tỉnh Cao Bằng (nay là xã T, tỉnh Cao Bằng) - Vắng mặt.

Người làm chứng:

- Bà Trần Thị H6, sinh năm 2003; địa chỉ: thôn A, xã K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã K, tỉnh Đắk Lắk); địa chỉ: số A T, tổ dân phố B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa - Có mặt.

- Ông Nguyễn Hữu L2, sinh năm 1999; địa chỉ: thôn E, xã H, huyện K (nay là xã C), tỉnh Đắk Lắk - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng năm 2023, Trần Văn L đến thành phố Đà Nẵng đi làm. Do không có tài khoản ngân hàng để chi trả lương nên L nhờ Nguyễn Hữu L2 (bạn của L) mở tài khoản Ngân hàng Vmbank (gọi tắt V) số tài khoản 1036343537, đăng ký Internet banking số điện thoại chính chủ của L số 0707.960.250. Sau khi mở tài khoản, Lưu đưa cho L quản lý và sử dụng. Đến khoảng cuối năm 2023, L nghỉ việc và đến thị trấn C, huyện C (nay là xã C), tỉnh Khánh Hòa tìm việc làm. Thời gian này L quen và chung sống như vợ chồng với bà Trần Thị H6.

Khoảng tháng 01-2024, L không tìm được việc, theo dõi trên Facebook, tìm hiểu và biết cách thức lừa đảo chiếm đoạt tài sản thông qua hình thức đăng bài bán hàng trên Facebook để chiếm đoạt tiền đặt cọc. Trong thời gian từ tháng 01-2024 đến tháng 10-2024, L sử dụng 03 tài khoản ngân hàng gồm: V số tài khoản

1036343537; V, chủ tài khoản N1; H7, chủ tài khoản Tran Van L3 999990707960250 để nhận chuyển khoản của những người chuyển tiền, phục vụ cho việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản. L tạo tài khoản Facebook tên “Nguyễn Hữu L2”. Sau đó, đổi tên thành nhiều tên tài khoản Facebook khác như: “Trần Văn L”, “CƠ GIỚI HỮU L”, “SẢN PHẨM HÀN QUỐC”. L tìm kiếm và tải các hình ảnh phương tiện, giấy tờ, phụ kiện xe, điện thoại... để phục vụ việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản. L sử dụng hình ảnh đăng lên Facebook các hội nhóm mua bán xe, điện thoại đã qua sử dụng kèm theo số điện thoại 0707.960.250 hoặc 0843.229.810 để ai có nhu cầu thì liên hệ với L. Khi có người có nhu cầu mua xe nhắn tin qua ứng dụng Messenger đến tài khoản “Nguyễn Hữu L2”, “Trần Văn L”, “CƠ GIỚI HỮU L”, “SẢN PHẨM HÀN QUỐC” hoặc gọi điện thoại trực tiếp thì L yêu cầu kết bạn qua số Zalo số 0707.960.250 và 0843.229.810. Sau khi trao đổi, thống nhất L yêu cầu người mua đặt cọc trước để gỡ bài đăng bán, giữ xe, điện thoại, phụ kiện xe lại... nếu không đặt cọc sẽ bán cho người khác hoặc chuyển cho L thêm tiền phí vận chuyển hoặc mua giúp vé máy bay. Để tạo niềm tin, L gửi cho người mua vị trí đến xem xe (các vị trí này ở nơi khác và nơi đó không có xe), L lấy hình ảnh trên mạng các loại xe, điện thoại, phụ kiện xe, giấy tờ xe để người xem tin tưởng. Khi nhận được tiền chuyển khoản thì L chặn thông tin liên hệ của người mua trên mạng xã hội Facebook, xóa kết bạn Z và chiếm đoạt toàn bộ số tiền của những người đã đặt cọc.

Bằng phương thức thủ đoạn lừa đảo trên, L thực hiện nhiều vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản, qua điều tra chứng minh được 18 bị hại, với 114 lượt giao dịch chuyển tiền, chiếm đoạt tổng số tiền 511.300.000 đồng, cụ thể:

Lần thứ nhất: Khoảng đầu tháng 02-2024, L sử dụng tài khoản Facebook (không nhớ rõ tên tài khoản) đăng tin bán xe máy mức Huyndai 55 qua sử dụng với giá theo thỏa thuận. Ngày 04-02-2024, Phan Hữu C thấy bài đăng của L thì liên hệ với L. L nói với C giá xe máy mức trên 115.000.000 đồng, bao gồm chi phí vận chuyển tới Cần Thơ. L yêu cầu C chuyển cho L 3.000.000 đồng tiền đặt cọc nếu không có người khác cũng đang muốn cọc chiếc xe máy mức trên. Chi tin tưởng sử dụng tài khoản ngân hàng S 087737339, chủ tài khoản Phan Huu C2 chuyển vào số tài khoản 1036343537 V, chủ tài khoản Nguyen Huu L của L 3.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, L chặn mọi liên lạc và chiếm đoạt số tiền 3.000.000 đồng.

Lần thứ hai: Ngày 30-3-2024, Nguyễn H1 sử dụng mạng xã hội Facebook thấy bài của L đăng bán điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 với giá 8.000.000 đồng. H1 liên hệ với L thì L yêu cầu H1 chuyển tiền mua điện thoại cho L 8.000.000 đồng. H1 sử dụng tài khoản ngân hàng S, số E chuyển 8.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng V số 1036343537, chủ tài khoản NGUYEN HUU L của L. Sau khi nhận được tiền, L chặn mọi liên lạc và chiếm đoạt 8.000.000 đồng.

Lần thứ ba: Vào ngày 09-4-2024, Nguyễn Thị Kim H2 có nhu cầu mua xe máy xúc cũ đã qua sử dụng, thông qua mạng xã hội H2 thấy L có đăng bài bán xe máy xúc cũ đã qua sử dụng nên H2 liên hệ với L thì L báo giá chiếc xe có giá 130.000.000 đồng. L yêu cầu H2 chuyển cho L số tiền đặt cọc 2.000.000 đồng. H2 tin tưởng rồi sử dụng tài khoản ngân hàng Đ chuyển 2.000.000 đồng đến tài khoản ngân hàng V số 1036343537 tên NGUYEN HUU L của L. Sau khi nhận được tiền, L chặn mọi liên lạc và chiếm đoạt 2.000.000 đồng.

Lần thứ tư: Vào ngày 08-5-2024 đến ngày 09-5-2024, Mai Thanh T1 thấy bài đăng bán xe máy, nhãn hiệu EX120-1 của L với giá 230.000.000 đồng. Trọng liên lạc và trao đổi với L thông qua số điện thoại 0707.960.250 của L đặt vấn đề mua xe. L sử dụng tài khoản Zalo gửi hình ảnh thông tin chiếc xe máy máy và gửi vị trí xem xe tại tỉnh Khánh Hòa. Do tin tưởng nên T1 đồng ý mua xe máy máy này và chuyển khoản cho L 03 lần, tổng số tiền 77.000.000 đồng từ tài khoản ngân hàng S số 050106045736 của T1 đến tài khoản ngân hàng V số 1036343537 tên NGUYEN HUU L của L cung cấp. Nhận được tiền, L chặn mọi liên lạc và chiếm đoạt 77.000.000 đồng.

Lần thứ năm: Ngày 13-6-2024, Phạm Văn T2 tìm mua xe máy máy trên các trang mạng Facebook thì thấy bài đăng bán xe máy máy của L. T2 liên hệ với L để mua xe máy máy thì L yêu cầu T2 chuyển trước số tiền đặt cọc là 5.000.000 đồng. T2 tin tưởng rồi sử dụng tài khoản ngân hàng B1, số F, chủ tài khoản PHAM VAN T chuyển đến tài khoản ngân hàng V, số A, chủ tài khoản NGUYEN HUU L của L 03 lần, hai lần chuyển 2.000.000 đồng và 01 lần chuyển 1.000.000 đồng. Nhận được tiền, L chặn mọi liên lạc và chiếm đoạt 5.000.000 đồng.

Lần thứ sáu: Ngày 22-6-2024, Hồ Quang H3 lên mạng xã hội Facebook để tìm thuê máy đào thì thấy bài đăng của L, đăng tải nội dung cho thuê máy đào,

máy xúc. H3 liên hệ với L để hỏi thuê máy đào loại gầu 0,3 m³, L nói H3 cho thuê máy đào giá 15.000.000 đồng/01 tháng bao gồm tài xế theo xe. L yêu cầu H3 chuyển khoản đặt cọc số tiền 3.000.000 đồng thì sẽ làm hợp đồng cho thuê xe và hứa ngay ngày hôm sau sẽ đưa xe ra Quảng Ngãi để làm. H3 tin tưởng nên sử dụng tài khoản ngân hàng Thương mại Cổ phần Q (V1), số 988418752, chủ tài khoản HO QUANG HUNG chuyển 3.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng V, số A, chủ tài khoản NGUYEN HUU L của L. Sau khi nhận được tiền, L chặn mọi liên lạc và chiếm đoạt 3.000.000 đồng.

Lần thứ bảy: Vào ngày 28-6-2024, Phan Thanh T3 nhìn thấy bài đăng bán xe máy nhãn hiệu EX135-3 của L với giá 210.000.000 đồng, T3 gọi điện thoại cho L để đặt vấn đề mua xe. L sử dụng tài khoản Zalo ảo của L gửi hình ảnh thông tin chiếc xe máy mức này. T3 tin tưởng và đồng ý mua xe máy mức nên đã chuyển khoản cho L đặt cọc 02 lần số tiền 20.000.000 đồng, hình thức chuyển khoản từ tài khoản ngân hàng V2 số 101855856789 đến tài khoản ngân hàng V số 1036343537 tên NGUYEN HUU LUU của L.

Sau đó, L tiếp tục yêu cầu T3 chuyển thêm 30.000.000 đồng tiền cọc. T3 tin tưởng rồi chuyển cho L 30.000.000 đồng. Nhận được tiền, L này chặn mọi liên lạc và chiếm đoạt tổng số tiền 50.000.000 đồng của T3.

Lần thứ tám: Khoảng đầu tháng 7-2024, L sử dụng tài khoản mạng xã hội Facebook đăng tin bán xe máy mức hiệu Doosan 140 đã qua sử dụng với giá theo thỏa thuận. Ngày 18-7-2024, Vương Xuân D nhìn thấy bài đăng của L thì liên hệ với L. L nói giá bán xe máy mức 750.000.000 đồng và yêu cầu anh D phải chuyển cho L 20.000.000 đồng để đặt cọc. Ngày 18-7-2024, D nhờ vợ của D là chị Đặng Thị B dùng số tài khoản ngân hàng V, số tài khoản 9969030020, chủ tài khoản “DANG THI B” chuyển tiền vào số tài khoản 1036343537, ngân hàng V, chủ tài khoản Nguyen H của L 02 lần tổng số tiền 20.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền thì L chặn mọi liên lạc và chiếm đoạt 20.000.000 đồng.

Lần thứ chín: Khoảng giữa tháng 7-2024, L sử dụng tài khoản Facebook đăng tin bán gầu đào máy xúc đã qua sử dụng. Đến ngày 23-7-2024, Vũ Văn M thấy bài đăng của L thì anh M liên lạc với L hỏi về gầu đào máy xúc. L nói giá gầu đào máy xúc 6.000.000 đồng và yêu cầu anh M chuyển trước 500.000 đồng để đặt cọc. Mên tin tưởng nên sử dụng tài khoản ngân hàng T8, số I, chủ tài khoản VU VAN M chuyển vào số tài khoản 1036343537, ngân hàng V, chủ tài

khoản Nguyen H của L 500.000 đồng. Sau khi nhận được tiền thì L chặn mọi liên lạc và chiếm đoạt 500.000 đồng.

Lần thứ mười: Ngày 25-7-2024, Lê Sỹ T4 tìm mua đầu kiềm (kìm gấp cây) máy móc trên các trang mạng Facebook thì thấy bài đăng bán đầu kiềm của L. T4 liên hệ thì L nói đầu kiềm máy móc có giá 20.000.000 đồng và yêu cầu T4 chuyển 10.000.000 đồng để đặt cọc. T4 sử dụng số tài khoản ngân hàng M1, chủ tài khoản LE SY T chuyển đến tài khoản ngân hàng V, số A, chủ tài khoản NGUYEN HUU L của L gồm 02 lần, lần 1 chuyển vào ngày 25-7-2024 với số tiền 5.000.000 đồng, ngày 29-7-2024 T4 chuyển tiền lần 2 với số tiền 5.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, L chặn mọi liên lạc và chiếm đoạt 10.000.000 đồng.

Lần thứ mười một: Ngày 07-8-2024, L sử dụng tài khoản mạng xã hội Facebook đăng tin bán xe máy móc lật hiệu KOMAXZU đã qua sử dụng với giá theo thỏa thuận. Đỗ Mạnh T5 nhìn thấy bài đăng của L. T5 liên lạc với L để mua máy móc lật trên thì L nói giá xe máy móc là 50.000.000 đồng và yêu cầu T5 chuyển 5.000.000 đồng tiền đặt cọc để giữ xe. T5 tin tưởng nên dùng tài khoản ngân hàng V, số tài khoản 9568467777, chủ tài khoản “DO MANH T” chuyển vào tài khoản 1036343537, ngân hàng V, chủ tài khoản Nguyen H của L 5.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền thì L chặn mọi liên lạc và chiếm đoạt 5.000.000 đồng.

Lần thứ mười hai: Ngày 08-8-2024, Nguyễn Thành L1 lên trang chotot.vn tìm mua xe máy móc thì thấy có người đăng bán xe máy giá 45.000.000 đồng. L1 gọi điện thoại thì L hướng dẫn ông L1 kết bạn qua Zalo. L cung cấp số tài khoản ngân hàng V, số A, chủ tài khoản NGUYEN HUU L, yêu cầu L1 chuyển tiền cọc cho L 5.000.000 đồng. L1 đồng ý rồi sử dụng tài khoản ngân hàng T8, số A, chủ tài khoản NGUYEN THANH L chuyển cho L 02 lần. Lần 1, chuyển số tiền 2.000.000 đồng, Lần 2, chuyển số tiền 3.000.000 đồng. Sau khi chuyển tiền cọc, L chặn Z và chiếm đoạt 5.000.000 đồng.

Lần thứ mười ba: Ngày 09-8-2024, Trần Quốc C1 nhìn thấy bài đăng bán xe máy móc của L trên Facebook. C1 gọi điện thoại cho L thì L nói xe máy móc bán giá 75.000.000 đồng. L yêu cầu C1 chuyển khoản 15.000.000 đồng để giữ xe. C1 tin tưởng nên sử dụng tài khoản ngân hàng S, số E chủ tài khoản TRAN QUOC C chuyển 02 lần, lần thứ 01 số tiền 5.000.000 đồng, lần thứ 2 chuyển số tiền 10.000.000 đồng. Tổng 02 lần C1 chuyển cho L số tiền 15.000.000 đồng đến tài

khoản ngân hàng V, số A, tên NGUYEN HUU L của L. Sau khi nhận được tiền, L chặn mọi liên lạc và chiếm đoạt 15.000.000 đồng.

Lần thứ mười bốn: Ngày 13-8-2024, L đăng thông tin giả lên tài khoản Facebook tên “Nguyễn Hữu L2” bán xe ô tô nhãn hiệu Ford Ranger, biển kiểm soát 47C-347.97 đã qua sử dụng kèm theo số điện thoại 0843229810. Cùng ngày, Nguyễn Tiến T6 liên hệ và L nói xe ô tô có giá 320.000.000 đồng. L yêu cầu T6 chuyển tiền đặt cọc 5.000.000 đồng. T6 tin tưởng nên sử dụng số tài khoản 63510000534773, ngân hàng B1, chủ tài khoản NGUYEN TIEN T chuyển vào số tài khoản 1036343537, ngân hàng V, chủ tài khoản NGUYEN HUU L của L 5.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền thì L cắt liên lạc và chiếm đoạt 5.000.000 đồng.

Lần thứ mười lăm: Ngày 19-9-2024, L sử dụng tài khoản Facebook đăng tin bán xe Ford Ranger Wildtrack trên hội nhóm mua bán xe ô tô đã qua sử dụng. Cùng ngày, Bùi Thanh H4 thấy bài đăng của L thì liên hệ với L hỏi mua chiếc xe trên thì L nói giá xe ô tô 300.000.000 đồng. L yêu cầu H4 chuyển tiền đặt cọc cho L 1.000.000 đồng trước vì cũng đang có người muốn mua xe này. H4 tin tưởng rồi sử dụng số tài khoản ngân hàng V, số G chuyển vào tài khoản ngân hàng V, số I, chủ tài khoản Nguyen Huu L của L 1.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền thì L chặn mọi liên lạc và chiếm đoạt 1.000.000 đồng.

Lần thứ mười sáu: Ngày 29-9-2024, Nguyễn Thị P1 sử dụng mạng xã hội Facebook để tìm kiếm trên các trang bán xe thì thấy bài đăng bán xe ô tô bán tải nhãn hiệu Ford Ranger Wildtrak, biển số 47C-347.87 của L. P1 liên hệ với L thì L báo giá chiếc xe 370.000.000 đồng, L yêu cầu số tiền đặt cọc 20.000.000 đồng để giữ xe và xóa bài đăng. P1 tin tưởng rồi sử dụng tài khoản ngân hàng V, chủ tài khoản NGUYEN THI P chuyển 02 lần, thứ nhất P1 chuyển 5.000.000 đồng và lần thứ 02 chuyển số tiền 15.000.000 đồng, tổng 02 lần P1 chuyển 20.000.000 đồng đến tài khoản ngân hàng V, số A, chủ tài khoản NGUYEN HUU L của L. Sau khi nhận được tiền, L chặn mọi liên lạc và chiếm đoạt 20.000.000 đồng.

Lần thứ mười bảy: Ngày 20-10-2024, L đăng thông tin giả lên tài khoản Facebook tên “Trần Văn L” bán xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Accent, biển số 48A-426.45 đã qua sử dụng kèm theo số điện thoại 0843229810. Cùng ngày, Nguyễn Đình T7 lên mạng xã hội thấy bài đăng của L thì liên hệ với L để mua chiếc xe

trên. L nói với T7 chiếc xe ô tô trên có giá 240.000.000 đồng. L yêu cầu T7 chuyển tiền đặt cọc, rút hồ sơ 10.000.000 đồng. T7 tin tưởng sử dụng số tài khoản 4320192659, ngân hàng B1, chủ tài khoản NGUYEN DINH T chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng H7, số I, chủ tài khoản TRAN VAN L 02 lần tổng số tiền 10.000.000 đồng. Sau đó, L nói dối với T7 việc L có vợ làm ở phòng vé máy bay, nếu T7 có nhu cầu thì chuyển khoản cho L để L đặt giúp vé máy bay cho T7, thuận tiện việc nhận xe. T7 tin tưởng rồi chuyển khoản cho L 1.300.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, L cắt liên lạc với T7 và chiếm đoạt 11.300.000 đồng.

Lần thứ mười tám: Ngày 26-10-2024, Hoàng Văn H5 lên mạng xã hội Facebook tìm kiếm mua xe ô tô cũ thì thấy có bài đăng bán xe ô tô nhãn hiệu MAZDA BT50, biển số 81C-223.06 do L đăng bài. H5 liên hệ thì L nói chiếc xe ô tô trên đang có người đang muốn đặt cọc, yêu cầu H5 chuyển 5.000.000 đồng để cọc xe. H5 tin tưởng sử dụng số tài khoản 8306205089962, ngân hàng A, chủ tài khoản HOANG VAN H chuyển vào tài khoản ngân hàng H7 số 999990707960250, chủ tài khoản TRAN VAN L. Sau đó, L nói dối với H5 việc L có vợ làm ở phòng vé máy bay, nếu H5 có nhu cầu thì chuyển khoản cho L để L đặt giúp vé máy bay cho H5 để nhận xe. H5 tin tưởng nên chuyển khoản cho L 1.300.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, L cắt liên lạc với H5 và chiếm đoạt 6.300.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 72/CT-VKSLDG-P2 ngày 25-5-2026 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng truy tố Trần Văn L về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Trần Văn L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và thừa nhận Cáo trạng truy tố bị cáo về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và không oan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng sau khi phân tích các tình tiết của vụ án giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố Trần Văn L phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2; các điểm b, g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Trần Văn L từ 12 năm - 13 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự:

Trần Văn L tự nguyện bồi thường 5.000.000 đồng cho bị hại Nguyễn Tiến T6 và không yêu cầu bồi thường thêm; các bị hại Nguyễn Thành L1, Vũ Văn M, Bùi Thanh H4 không yêu cầu bồi thường nên đề nghị không xem xét, giải quyết.

Buộc Trần Văn L trả lại cho các bị hại tổng số tiền 235.600.000 đồng gồm: Phan Hữu C 3.000.000 đồng, Nguyễn H1 8.000.000 đồng, Nguyễn Thị Kim H2 2.000.000 đồng, Mai Thanh T1 77.000.000 đồng, Phạm Văn T2 5.000.000 đồng, Hồ Quang H3 3.000.000 đồng, Phan Thanh T3 50.000.000 đồng, Vương Xuân D 20.000.000 đồng, Lê Sỹ T4 10.000.000 đồng, Đỗ Mạnh T5 5.000.000 đồng, Trần Quốc C1 15.000.000 đồng, Nguyễn Thị P1 20.000.000 đồng, Nguyễn Đình T7 11.300.000 đồng, Hoàng Văn H5 6.300.000 đồng.

Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Plus và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6s thu giữ của Trần Văn L sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền 33.000.000 đồng Trần Văn L tự nguyện nộp khắc phục hậu quả tại Giấy nộp tiền mặt ngày 21-01-2025 tại Ngân hàng TMCP Đ1 Chi nhánh Đ2 Phòng G và Giấy nộp tiền ngày 28-02-2025 tại Ngân hàng TMCP C3 Chi nhánh Đ2 Phòng G vào tài khoản Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk R'Lấp (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 - Lâm Đồng) tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với 82 lượt chuyển khoản chưa truy tìm được bị hại với tổng số tiền 264.200.000 đồng đề nghị truy thu đối với bị cáo sung vào ngân sách nhà nước.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày luận cứ: Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội và không oan. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo; tác động gia đình khắc phục hậu quả. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng mức hình phạt thấp nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo đồng ý với quan điểm luận cứ bào chữa và không bào chữa, tranh luận, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng hình sự:

[1.1]. Về sự vắng mặt của các bị hại: Xét thấy việc vắng mặt của các bị hại không trở ngại cho việc xét xử, do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các bị hại.

[1.2]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu thu thập, lưu trong hồ sơ vụ án, phù hợp với các tình tiết, diễn biến khách quan của vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận: Trần Văn L không có việc làm và không có tiền tiêu xài cá nhân, để có tiền tiêu xài, L đã sử dụng 03 tài khoản ngân hàng nhằm mục đích phục vụ cho việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản. L lấy thông tin hình ảnh trên các trang mạng xã hội, lập các tài khoản trên ứng dụng Facebook như: “Nguyễn Hữu L2”, “Trần Văn L”, “CƠ GIỚI HỮU L”, “SẢN PHẨM HÀN QUỐC” rồi đăng tải các hình ảnh phương tiện, giấy tờ, phụ kiện xe, điện thoại di động nhằm mục đích đưa thông tin gian dối để cho những người mua tin tưởng chuyển tiền, sau đó chặn thông tin liên hệ của người mua chiếm đoạt tiền của những người có nhu cầu mua các sản phẩm do L tự đăng các thông tin không có thật trên trang ứng dụng Facebook.

Từ khoảng tháng 01-2024 đến tháng 10-2024, L đã lừa đảo chiếm đoạt tài sản của nhiều người. Tổng số lượt giao dịch chuyển tiền là 114 lượt, trong đó 24 lượt giao dịch với số tiền dưới 2.000.000 đồng và 89 lượt giao dịch chuyển tiền với số tiền trên 2.000.000 đồng và 01 giao dịch với số tiền trên 50.000.000 đồng. Quá trình điều tra đã truy tìm được 18 bị hại với 32 lượt giao dịch chuyển khoản với tổng số tiền 247.100.000 đồng, 82 lượt chuyển khoản chưa truy tìm được bị hại với tổng số tiền 264.200.000 đồng. Tổng số tiền Trần Văn L lừa đảo chiếm đoạt 511.300.000 đồng.

Do đó, hành vi của Trần Văn L đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” với tính tiết tăng nặng định khung hình phạt “*Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên*” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại Điều 174 của Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng

nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên.

... ”

[3]. Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của các bị hại, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an, an toàn xã hội. Bị cáo phạm tội chiếm đoạt của nhiều bị hại diễn ra trong một thời gian dài nên cần phải xử phạt bị cáo một hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội và vai trò của bị cáo gây ra để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật cũng như tính răn đe phòng ngừa chung.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1]. Bị cáo không có nghề nghiệp, thực hiện hành vi phạm tội từ 05 lần trở lên và lấy khoản lợi bất chính thu được từ việc phạm tội làm nguồn thu nhập nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 02 lần trở lên*” và “*Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp*” quy định tại các điểm b, g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[4.2]. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; đã bồi thường, khắc phục một phần hậu quả; bị hại Nguyễn Tiến T6 có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5]. Xét quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng, luận cứ bào chữa của luật sư có căn cứ nên cần xem xét. Tuy nhiên, đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đề nghị truy thu của bị cáo số tiền 264.200.000 đồng đã chiếm đoạt của các bị hại chưa truy tìm được là chưa phù hợp, bởi lẽ hành vi phạm tội của bị cáo bị truy tố được xác định trên tổng số tiền chiếm đoạt của các bị hại để áp dụng định khung hình phạt, nên số tiền bị cáo chiếm đoạt phải trả lại cho bị hại theo quy định tại khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, do chưa tìm được bị hại nên sự việc này sẽ được giải quyết trong vụ án dân sự khác khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

[6]. Trách nhiệm dân sự:

[6.1]. Quá trình điều tra, Trần Văn L tự nguyện bồi thường 5.000.000 đồng và bị hại Nguyễn Tiến T6 không yêu cầu bồi thường thêm; các bị hại Nguyễn Thành L1, Vũ Văn M, Bùi Thanh H4 không yêu cầu bồi thường nên không xem xét, giải quyết.

[6.2]. Các bị hại yêu cầu Trần Văn L trả lại tổng số tiền 235.600.000 đồng gồm: Phan Hữu C 3.000.000 đồng, Nguyễn H1 8.000.000 đồng, Nguyễn Thị Kim H2 2.000.000 đồng, Mai Thanh T1 77.000.000 đồng, Phạm Văn T2 5.000.000 đồng, Hồ Quang H3 3.000.000 đồng, Phan Thanh T3 50.000.000 đồng, Vương Xuân D 20.000.000 đồng, Lê Sỹ T4 10.000.000 đồng, Đỗ Mạnh T5 5.000.000 đồng, Trần Quốc C1 15.000.000 đồng, Nguyễn Thị P1 20.000.000 đồng, Nguyễn Đình T7 11.300.000 đồng, Hoàng Văn H5 6.300.000 đồng nên cần chấp nhận.

[7]. Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Plus và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6s thu giữ của Trần Văn L sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền 33.000.000 đồng Trần Văn L tự nguyện nộp khắc phục hậu quả tại Giấy nộp tiền mặt ngày 21-01-2025 tại Ngân hàng TMCP Đ1 Chi nhánh Đ2 Phòng G và Giấy nộp tiền ngày 28-02-2025 tại Ngân hàng TMCP C3 Chi nhánh Đ2 Phòng G vào tài khoản Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk R'Lấp (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 - Lâm Đồng) tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[8]. Về án phí: Buộc Trần Văn L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9]. Đối với hành vi của Nguyễn Hữu L2 đứng tên đăng ký để làm tài khoản ngân hàng giúp Trần Văn L. Lưu không biết việc L sử dụng để lừa đảo chiếm đoạt tài sản và không biết L lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên không có căn cứ xem xét xử lý trong vụ án.

Đối với Trần Thị H6 sống chung với Trần Văn L nhưng không biết việc L lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác, không tham gia giúp sức và không hưởng lợi nên không có căn cứ xem xét xử lý trong vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố Trần Văn L phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điểm b, g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Trần Văn L 12 (*Mười hai*) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (*ngày 07-5-2026*), được trừ thời gian bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29-10-2024 đến ngày 26-5-2025.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 589 của Bộ luật Dân sự:

Buộc Trần Văn L trả lại cho các bị hại tổng số tiền 235.600.000 đồng, gồm: Phan Hữu C 3.000.000 đồng, Nguyễn H1 8.000.000 đồng, Nguyễn Thị Kim H2 2.000.000 đồng, Mai Thanh T1 77.000.000 đồng, Phạm Văn T2 5.000.000 đồng, Hồ Quang H3 3.000.000 đồng, Phan Thanh T3 50.000.000 đồng, Vương Xuân D 20.000.000 đồng, Vũ Văn M 500.000 đồng, Lê Sỹ T4 10.000.000 đồng, Đỗ Mạnh T5 5.000.000 đồng, Nguyễn Thành L1 5.000.000 đồng, Trần Quốc C1 15.000.000 đồng, Bùi Thanh H4 1.000.000 đồng, Nguyễn Thị P1 20.000.000 đồng, Nguyễn Đình T7 11.300.000 đồng, Hoàng Văn H5 6.300.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu sung ngân sách nhà nước đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Plus và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6s (*có đặc điểm như biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 08-01-2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L với Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 - Lâm Đồng*).

Tiếp tục tạm giữ số tiền 33.000.000 đồng Trần Văn L tự nguyện nộp khắc phục hậu quả tại Biên lai thu tiền ngày 21-01-2025 và ngày 28-02-2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đăk R’Lấp (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 - Lâm Đồng) để đảm bảo thi hành án.

4. Về án phí: căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016

của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, buộc Trần Văn L phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 11.780.000đ (*Mười một triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 36 và Điều 72 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Lâm Đồng;
- CQCSĐT Công an tỉnh Lâm Đồng;
- CQTHAHS Công an tỉnh Lâm Đồng;
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Bị cáo và người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Tổ HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*đã ký và đóng dấu*)

Võ Văn Vinh